

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 6 - 2026.

“V/v: Kiện ly hôn và tranh chấp
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E;

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Tuyên và bà Nông Thị Thùy Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2023 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08/02/2023 về việc “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/05/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Bùi Khắc B - sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Khắc B tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Khi về chung sống với nhau khoảng 7 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B rượu chè, có quan hệ với người khác bên ngoài, sống ích kỷ, không lo cho gia đình, đánh đập, hành hạ chị H. Đến nay, chị H không còn tình cảm với anh B nên chị H yêu cầu tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Bùi Khắc B.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Khắc B có 01 con chung là: Bùi Thùy L - sinh ngày 19/03/2014.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành.

Ngoài ra, chị H có đơn trình bày nội dung anh B là người khuyết tật, thu nhập không ổn định nên không có điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Khắc B trình bày:

Anh B và chị H tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian chung sống hạn phúc đến năm 2016 thì anh B bị tai nạn dẫn đến tai biến mạch máu não bị liệt nửa người. Đến năm 2018 giữa anh B và chị H phát sinh mâu thuẫn. Chị H bỏ đi không chung sống với anh B nữa. Nội dung trình bày trong đơn khởi kiện ly hôn của chị H không đúng sự thật nên anh B không đồng ý.

Về con chung: Anh B và chị H có 01 con chung như chị H trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh B yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên các bản xác minh tại địa phương thể hiện:

Biên bản xác minh đề ngày 19/5/2023 xác minh về tình trạng hôn nhân và thu nhập của chị H, anh B thể hiện:

Về mâu thuẫn xảy ra trong gia đình chị H và anh B, chính quyền địa phương không nắm được.

Về thu nhập: Hiện nay anh B và chị H đều đi làm ở xa, công việc và thu nhập như thế nào, địa phương không nắm rõ.

Biên bản xác minh đề ngày 23/5/2023 tại UBND xã E thể hiện; Anh Bùi Khắc B - sinh năm 1990; trú tại Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk là đối tượng người khuyết tật nặng, được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc ly hôn với anh Bùi Khắc B. Về con chung: đề nghị giao con chung là cháu Bùi Thùy L - sinh ngày 19/03/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung với anh Bùi Khắc B là “Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị không tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên. Vậy nên, Tòa án tiến hành không hòa giải theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Bùi Khắc B đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Khắc B chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 55, ngày 09/7/2013 là trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua trình bày của các đương sự và nội dung tại các biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh B sinh sống không rõ mâu thuẫn giữa chị H và anh B. Nhưng theo trình bày của anh B và chị H, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn và hiện nay anh B chị H không còn chung sống với nhau. Như vậy, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Khắc B có 01 con chung là: Bùi Thùy L - sinh ngày 19/3/2014.

Chị Nguyễn Thị H yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Bùi Khắc B yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con chung.

Tại bản tự khai đề ngày 24/3/2023, cháu Bùi Thùy L có nguyện vọng ở với bố.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện chị H hiện có thu nhập trong khoảng 4 tháng lương gần nhất từ khoảng 9,7 - 12 triệu đồng/tháng. Anh B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh thu nhập của mình.

Theo biên bản xác minh tại UBND xã E, ngày 23/5/2023 thì anh B thuộc đối tượng người khuyết tật nặng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Do vậy, xét thấy anh B không đảm bảo điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Do vậy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị Nguyễn Thị H.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Anh B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bùi Khắc B.
- Về con chung: Giao con chung là Bùi Thùy L - sinh ngày 19/03/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Bùi Khắc B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2021/0011067 ngày 02/02/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án huyện E;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
đã ký tên, đóng dấu

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã E, E;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Nguyễn Thị Bích Thủy